

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2021

“”V/v chị T xin ly hôn với anh Th”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định “Vắng mặt”.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, anh Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04-6-2021; bản tự khai ngày 07-6-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn ngày 01-12-2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh Th ở thôn T, xã H, huyện

V, tỉnh Nam Định. Trong 6 năm chung sống cùng nhau, giữa chị và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm, có những lúc không nói chuyện trong một thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai. Sau mỗi lần cãi nhau, anh Th thường xuyên chửi mắng, đánh đuổi chị ra khỏi nhà, ngăn cấm, chia cắt chị và con, không cho mẹ con gặp nhau và nói những điều không đúng, tiêu cực về chị với con... Từ tháng 3-2021, vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm, anh Th đuổi chị đi vì vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở cùng thôn để sinh sống. Chị và anh Th sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng chị vẫn tiếp tục kéo dài, anh Th có hành vi ngược đãi, bạo hành về tinh thần và cơ thể khiến tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24-9-2016. Quá trình Tòa án giải quyết thì cháu M đang ở với anh Th vì lý do khi anh Th đuổi chị đi thì anh Th không cho chị đưa con đi theo. Tuy nhiên từ ngày 17-8-2021 anh Th đã giao cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện nay cháu M đang ở cùng với chị. Cháu M là con gái, cháu sắp đến tuổi dậy thì cần có mẹ chăm sóc, chỉ bảo vv.... Vì vậy, khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu M, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh Th không có do đó chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại đơn đề nghị ngày 19-6-2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V. Sau khi kết hôn từ năm 2015 đến năm 2018 vợ chồng anh sống, làm việc tại quê nhà, cuộc sống gia đình rất vui vẻ và hòa thuận. Từ tháng 6-2019, chị T lên Hà Nội làm việc và thuê nhà trọ ở cùng với em gái và một người bạn thì giữa vợ chồng anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị T nhắn tin với số lạ rất tình cảm, anh có cảm điện thoại của chị T và đọc được thì chị T xóa luôn tin nhắn và giải thích là nhắn cho người quen biết trên mạng để nhờ dạy tiếng anh. Sau lần vô tình đọc được tin nhắn đó anh đã cảm nhận được chị T có cái gì đó không bình thường; chị T nhiều lần nói dối là đi mua sắm đồ, đi chơi, xem phim cùng em gái nhưng thực ra là chị đi với người khác, khi anh gọi điện thì chị chối quanh; hơn nữa anh đã nhiều lần đề nghị chị T đi ra ngoài thuê nhà trọ, vợ chồng đón con lên để có điều kiện chăm sóc nuôi dạy con tốt hơn nhưng chị T không đồng ý. Trong thời gian làm việc trên Hà Nội, chị T cũng dành rất ít thời gian cho việc chăm sóc, thăm nom con nhỏ, mỗi tháng chị về một lần và mỗi lần là một ngày với lý do công việc phải đi

làm. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về nuôi con chung: Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Theo anh Th, anh nuôi con sẽ tốt hơn chị T vì:

Thứ nhất về thời gian dành cho con thì từ trước đến giờ anh có nhiều thời gian dành cho con và gần gũi con nhiều hơn. Chị T do công việc làm gia sư bận, không có thời gian dành cho gia đình.

Thứ hai về quan điểm sống và môi trường sống: Quan điểm sống của anh là hướng về gia đình nhiều hơn còn chị T thì không có quan điểm như thế chỉ mãi mê kiếm tiền và chị T là một người đàn bà có lối sống vì bản thân, thích tự do, thoải mái và không vì gia đình, con nhỏ.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Anh Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị M (Bà M là mẹ đẻ của anh Th) thể hiện: Hiện nay cả chị T và anh Th đều làm trên Hà Nội và để cháu M ở nhà cho bà trông nom, chăm sóc. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng anh Th, chị T thì bà không biết cụ thể như thế nào, chỉ thấy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra chiến tranh lạnh, không ai nói chuyện với ai. Từ khoảng tháng 3-2021, chị T và anh Th sống ly thân. Vào ngày 29-3-2021 (Âm lịch) chị T đi làm trên Hà Nội về cùng với em gái, có đến nhà bà để bế cháu M đi nhưng vì chị T không xin phép nên bà không biết chị T định đưa cháu M đi đâu và ngay lúc đó bà có gọi điện cho anh Th thì anh Th cũng không đồng ý để chị T đưa con đi nên giữa bà và chị T đã xảy ra xích mích, giằng co cháu M. Hiện nay, bà đang mắc bệnh ung thư trực tràng, đã điều trị từ hơn 3 năm nay vì vậy bà không có ý kiến gì về việc nuôi cháu M, Bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giao con cho anh Th hoặc chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc làm sao đảm bảo được quyền, lợi ích tốt nhất cho cháu M.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 09-7-2021, chính quyền địa phương cung cấp:

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Th cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ nhưng từ khoảng tháng 03-2021 thì không thấy vợ chồng anh Th, chị T chung sống cùng nhau nữa.

Về nuôi con chung: Hiện nay, anh Th và chị T đều đi làm xa nhà và gửi con ở nhà cho bà M là mẹ của anh Th trông nom, chăm sóc. Anh Th và chị T đều có điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào độ tuổi, đặc điểm giới tính và xét toàn diện mọi mặt thì nên giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các Đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của Đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T; cụ thể.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Th.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24-9-2016 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị T không yêu cầu nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 01-12-2015 và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh Th đã thỏa mãn các điều kiện về kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn càng tăng. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm nên xảy ra va chạm, thường xuyên tranh cãi, không ai nhường ai. Từ tháng 03-2021 chị T và anh Th

đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Điều này là vi phạm nghiêm trọng về tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh Th, chị chung sống với anh Th không có hạnh phúc và rất mệt mỏi nên chị kiên quyết xin ly hôn anh Th. Về phía anh Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, ngày càng có khoảng cách và mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên anh Th đồng ý ly hôn với chị T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của chị T và anh Th hiện nay đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được do đó căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh Th là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24-9-2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, từ ngày 17-8-2021 anh Th đã giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay cháu M đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T và anh Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù cả anh Th và chị T đều yêu thương và đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M nhưng do cháu M còn nhỏ, cháu M mới được hơn 4 tuổi đây là lứa tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nữa cháu M là con gái nên việc giao cháu cho mẹ chăm sóc sẽ phù hợp với tâm sinh lý trẻ nhỏ cũng như giáo dục về giới tính sau này. Hơn nữa, nghề nghiệp của anh Th là kỹ sư xây dựng, thường xuyên phải đi làm xa nhà theo công trình; hoàn cảnh gia đình thì có một mẹ một con, bà M là mẹ đẻ của anh Th hiện nay đang mắc bệnh ung thư rất cần được nghỉ ngơi và sự chăm sóc của anh Th. Hiện nay anh Th đã đồng ý cho chị T đón cháu M về chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án xem xét do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Th.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24-9-2016 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hiện nay cháu M đang ở cùng chị T).

Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001192 ngày 07-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm